

Số: 31/2026/QĐST- HNGĐ

Ninh Bình, ngày 05 tháng 03 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 40/2026/TLST-HNGĐ ngày 29/01/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T sinh ngày 22/01/2004; Nơi cư trú: Thôn T2, xã P, tỉnh Ninh B; Nơi ở hiện nay: Thôn L, phường Y, tỉnh Ninh B

Số Căn cước công dân: 037304002868; Cấp ngày 09/05/2021; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Bị đơn Anh Nguyễn Văn Q sinh ngày 31/08/2001; địa chỉ: Thôn T2, xã P, tỉnh Ninh B

Số Căn cước công dân: 037201000552; Cấp ngày 28/01/2025; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81; 82; 83; 107; 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/02/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/02/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn Q. thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung: là cháu Nguyễn Khánh L sinh ngày 10/01/2023; Hiện nay cháu L đang ở với

chị T. Khi ly hôn giao chị Nguyễn Thị Thu T được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh L sinh ngày 10/01/2023 đến khi cháu L đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2 triệu đồng/tháng/ thời điểm cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

“Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”

- Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về nghĩa vụ nộp án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000 đ án phí cấp dưỡng nuôi con. được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Ninh Bình theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/26E/0000404 ngày 22/01/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng phải thanh toán khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi xuất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND. Khu vực 3- Ninh Bình
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã(phường);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lâm Thị Thanh Nhân

